

Bản án số: 11/2022/HS-ST
Ngày 01/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Anh Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Đình Hưng

+ Ông Phạm Văn Miên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Chinh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/HSST, ngày 14 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HS, ngày 18 tháng 5 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Phan Văn H; tên gọi khác: không, sinh ngày 26/10/2001 tại: huyện Đ, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T, sinh năm 1972 và bà Lê Thị V, sinh năm 1979. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Văn T; tên gọi khác: không, sinh ngày 09/3/2003 tại: huyện Đ, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch:

Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Tiên, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Kim Ánh, sinh năm 1982. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn N; tên gọi khác: không, sinh ngày 19/8/2001 tại: huyện Đ, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn Đồng Tâm 1, xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Khánh Nho, sinh năm 1979 và bà Trần Thị H, sinh năm 1982. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo Trần Văn N bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Hữu Đức, sinh năm 2003. Vắng mặt.

Trú tại: tổ dân phố 3, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G.

- **Người có quyền lợi N vụ liên quan:**

+ Ông Phan Văn T, sinh năm 1972 (cha đẻ bị cáo H). Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị V, sinh năm 1979 (mẹ đẻ bị cáo H). Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1982 (mẹ đẻ bị cáo T). Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn T, xã K, huyện Đ, tỉnh G.

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1982 (mẹ đẻ bị cáo N). Có mặt.

Thôn Đồng Tâm 1, xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G.

- **Người làm chứng:**

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Trú tại: tổ dân phố 3, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G.

+ Chị Ksor N, sinh năm 2003. Vắng mặt.

Trú tại: Làng Trắng Blo, xã Ia Khai, huyện Ia Grai, tỉnh G.

- **Người phiên dịch Tg Jrai:** Bà Ksor H' Thu- là người dân tộc Jrai.

Trú tại: Làng Sung Le, xã Ia Kla, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 28/10/2021, Phan Văn H cùng với Huỳnh Văn T, Trần Văn N, anh Lê Đình Minh, sinh năm 1999, trú tại: thôn T, xã K, huyện Đ và chị Ksor N, sinh năm 2003, trú tại: xã Ia Khai, huyện Ia Grai, tỉnh G ngồi nhậu tại bàn ghế đá trước nhà H thuộc thôn T, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Trong quá trình ngồi uống rượu, Phan Văn H lấy điện thoại di động ra xem facebook thì thấy hình ảnh của anh Nguyễn Hữu Đức, sinh năm 2003, trú tại: tổ dân phố 3, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G và nhớ lại trước đây có nhắn tin nói chuyện thì Đức có xưng hô hỗn láo với H. H đưa điện thoại ra cho N xem thì N nói đây là người yêu cũ của chị N. H hỏi thì N nói là có biết nhà của Đức và rủ N đi tìm Đức để đánh, N đồng ý. H đi vào nhà dắt xe mô tô BKS: 93K1-042.30 đi ra thì T đi lại đỡ và dắt xe đi ra ngoài đường, N cũng đứng dậy đi ra theo T. H quay vào lấy 01 (một) con dao dài 71cm. Lưỡi dao làm bằng kim loại dài 49,5cm; lưỡi dao hình vòng cung hướng về phía lưỡi dao; mũi dao nhọn; bản rộng nhất của lưỡi dao rộng 4cm. Cán dao làm bằng gỗ dài 21,5cm; ở phần cán dao tại vị trí tiếp nối với lưỡi dao được bọc xung quanh bằng một vòng kim loại dài 5,5cm cầm kẹp vào phía sau tay phải đi ra. Trong lúc H rủ N đi đánh Đức thì T có nghe và biết được nên xin đi cùng. N điều khiển xe mô tô BKS: 93K1-042.30 chở T ngồi giữa, H ngồi sau đi tìm Đức để đánh. Còn N và Minh tiếp tục ngồi nhậu. Lúc này khoảng 22 giờ cùng ngày khi cả ba đến cửa hàng bán rau của anh Mai Xuân Tuấn, sinh năm 1977, tại: tổ dân phố 3, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G thì N dừng lại cách đó khoảng 10m. T và H xuống xe, còn N điều khiển xe quay ngược lại cách cửa hàng bán rau của anh Tuấn khoảng 30 mét để chờ. T đi bộ lại trước cửa hàng rau hỏi tìm Đức và gọi Đức ra phía trước để nói chuyện nhằm mục đích để H chém anh Đức. Lúc này, H cầm dao đứng cách khoảng 10 mét lao tới chém một phát theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào cổ tay phải của anh Đức, anh Đức quay người bỏ chạy, H tiếp tục cầm dao chém ngang một phát theo hướng từ trái qua phải trúng vào vùng lưng của anh Đức. Sau đó, H và T chạy ra nơi N đang đợi và lên xe đi về, khi tới đoạn đường thuộc địa phận thôn Thanh Giáo, xã K, huyện Đ, H giấu con dao vào một gốc cây và tắt cả về nhà ngủ. Anh Nguyễn Hữu Đức sau khi bị chém được mọi người đưa đi cấp cứu. Đến ngày 29/10/2021, Huỳnh Văn T đến Công an tự thú. Sau đó, Phan Văn H và Trần Văn N bị giữ khẩn cấp.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 276/21/TgT, ngày 05/11/2021 của Trung tâm pháp y Sở Y tế G, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Một vết thương phần mềm nằm ngang 1/3 dưới mắt sau ngoài trên mặt diện khớp cổ tay phải kích thước (8x0,2)cm, đã khâu ngày thứ 4, chưa cắt chỉ, còn sưng nề, rỉ dịch, đau tức.

- Một vết mổ kết hợp xương mắt sau 1/3 dưới cẳng tay phải kích thước (3x0,2)cm, đã khâu ngày thứ 4, chưa cắt chỉ, còn sưng nề, rỉ dịch.

- Một vết mổ kết hợp xương mắt trước giữa 1/3 dưới cẳng tay phải kích thước (6,5x0,2)cm, đã khâu ngày thứ 4, chưa cắt chỉ, còn sưng nề, rỉ dịch.

- Một vết thương phần mềm vùng thắt lưng trái sát cột sống thắt lưng L4-S1 kích thước (7x0,2)cm, đã khâu ngày thứ 4, chưa cắt chỉ, đã khô.

- Gãy đầu dưới xương quay phải đã phẫu thuật kết hợp xương.

- Vết thương phần mềm 1/3 dưới cẳng tay phải gây đứt thần kinh quay đã phẫu thuật khâu nối ngày thứ 4, vết thương còn sưng nề, đau nhức nhiều chưa thể đo điện thần kinh cơ. Đứt nhánh thần kinh quay phải vị trí dưới vết thương.

- Vết thương phần mềm cẳng tay phải gây đứt bó mạch máu tại vết thương đã phẫu thuật khâu nối mạch máu.

- Hiện tại cẳng bàn tay phải đang đặt máng bột, còn sưng nề, đau nhức nhiều, vết thương mới ngày thứ 4 nên chưa thể đánh giá kết quả hồi phục hay không hồi phục của thương tích đứt gân duỗi ngón I, II, III bàn tay phải. Vì vậy, tại thời điểm giám định không thể xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương.

2. Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 25% (Hai mươi lăm phần trăm). Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư 22/2019/TT-BYT.

3. Kết luận khác:

Cơ chế hình thành thương tích: Do tác động trực tiếp của ngoại lực.

Ngày 15/12/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh G đã cầu giám định bổ sung thương tích của Nguyễn Hữu Đức.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 313/21/TgT ngày 23/12/2021 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh G, kết luận:

- Tại thời điểm giám định, vận động, cảm giác các ngón tay II, III, IV, V bàn tay phải các động tác gấp, duỗi, dạng, khép trong giới hạn bình thường.

- Vận động ngón I bàn tay phải hạn chế ít các động tác gấp duỗi là do tổn thương thần kinh quay đã khâu nối và đã kết luận phần trăm tổn thương tại bản kết luận giám định về thương tích số 276/21/TgT ngày 05/11/2021. Vì vậy không xếp loại tổn thương do hạn chế vận động ngón I bàn tay phải.

Tổng phần trăm của hai bản kết luận số 276/21/TgT và 313/21/TgT là 25% (Hai mươi lăm phần trăm)

- Vật gây thương tích: Phù hợp với sự tác động của vật sắc có cạnh bén.

Quá trình điều tra vụ án, trong đơn xin xét xử vắng mặt và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi N vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định pháp y số 276/21/TgT, ngày 05/11/2021 của Trung tâm pháp y Sở Y tế G.

Tại bản Cáo trạng số: 07/CT-VKS, ngày 12/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố các bị cáo Phan Văn H, Huỳnh Văn T và Trần Văn N về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị:

- **Về tội danh:** Đề nghị tuyên bố:

Các bị cáo Phan Văn H, Huỳnh Văn T và Trần Văn N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- **Về mức hình phạt:** Áp dụng:

+ điểm đ khoản 2 Điều 134; các Điều 17, 38, 50, 58; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phan Văn H.

+ điểm đ khoản 2 Điều 134; các Điều 17, 50, 54, 58; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh Văn T.

+ điểm đ khoản 2 Điều 134; các Điều 17, 50, 54, 58; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn N.

+ Xử phạt: Bị cáo Phan Văn H: Từ 30 (ba mươi) tháng tù đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

+ Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn T: Từ 18 (mười tám) tháng tù đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 (ba mươi sáu) tháng đến 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N: Từ 18 (mười tám) tháng tù đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 (ba mươi sáu) tháng đến 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

- **Về xử lý vật chứng của vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng). Trong đó gia đình bị cáo Phan Văn H và gia đình bị cáo Huỳnh

Văn T mỗi gia đình bồi thường số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), gia đình bị cáo Trần Văn N bồi thường số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Bị hại Nguyễn Hữu Đức đã nhận tiền và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, vì vậy không đề cập đến.

Về án phí: Các bị cáo Phan Văn H, Huỳnh Văn T và Trần Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ý kiến của bị hại: Tại phiên tòa bị hại vắng mặt, vì vậy không có ý kiến.

Ý kiến của người có quyền lợi N vụ liên quan đến vụ án:

Không có ý kiến và yêu cầu gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 28/10/2021, Phan Văn H đã rủ Huỳnh Văn T và Trần Văn N đi đánh anh Nguyễn Hữu Đức. Sau đó, N điều khiển xe mô tô chở H và T đến chỗ anh Đức làm việc tại tổ dân phố 3, thị trấn Chư Ty, huyện Đ tỉnh G, đến nơi T đã gọi anh Đức ra ngoài nói chuyện, khi anh Đức ra ngoài thì H đã dùng dao chém anh Đức 02 nhát. Anh Đức bị tổn thương cơ thể 25%.

[2] Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo Phan Văn H, Huỳnh Văn T và Trần Văn N trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng.

[3] Giữa các bị cáo và anh Nguyễn Hữu Đức không có mâu thuẫn gì với nhau, chỉ vì trước đó anh Đức và bạn của bị cáo H có mâu thuẫn mà các bị cáo lại vô cớ dùng dao là hung khí nguy hiểm chém anh Đức, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 25%, hành vi của các bị cáo mang tính chất côn đồ. Như vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phan Văn H, Huỳnh Văn T và Trần Văn N đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định điểm đ tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo nhận thức được tính mạng, sức khoẻ của con người được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tính mạng, sức khoẻ của người khác đều phải bị trừng trị nghiêm khắc. Song các bị cáo đã bất chấp pháp luật, coi thường tính mạng, sức khoẻ của người khác, hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra để nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra như sau:

[5] Bị cáo Phan Văn H là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác thực hiện tội phạm, đồng thời H cũng là người trực tiếp dùng dao chém, gây thương tích cho anh Nguyễn Hữu Đức. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án này.

[6] Các bị cáo Huỳnh Văn T và Trần Văn N thực hiện tội phạm với đồng phạm vai trò giúp sức. Sau khi nghe H rủ đi đánh anh Đức thì bị cáo T và bị cáo N đã phụ giúp bị cáo H dắt xe mô tô. Sau đó N trực tiếp điều khiển xe mô tô chở H cùng với T đến cho anh Đức làm việc. Đến nơi, bị cáo T gọi anh Đức ra ngoài để nói chuyện thì anh Đức bị H chém. Do đó, vai trò của bị cáo T và N trong vụ án này là như nhau.

[7] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Các bị cáo Phan Văn H, Huỳnh Văn T và Trần Văn N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Sau khi phạm tội, bị cáo T đã đến cơ quan Công an tự thú hành vi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo, đồng thời áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Huỳnh Văn T là phù hợp.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Huỳnh Văn T và Trần Văn N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, từ trước cho đến khi phạm tội luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, không phải là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại. Sau khi phạm tội các bị cáo bị tạm giam nhưng vẫn tích cực tác động gia đình bồi thường cho bị hại, qua đó thể hiện sự ăn năn hối cải của các bị cáo, bị hại cũng đã tha thứ và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử

xét thấy xử phạt các bị cáo Huỳnh Văn T và Trần Văn N dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[9] Đối với ông Phan Văn T là chủ xe mô tô BKS: 93K1-042.30. Việc các bị cáo sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện để đi gây thương tích cho anh Đức, thì ông T không biết. Vì vậy không xử lý đối với ông T là phù hợp.

[10] Đối với chị Ksor N và anh Lê Đình Minh là những người ngồi nhậu cùng với các bị cáo. Khi bị cáo H rủ T và N đi đánh nhau thì chị N và anh Minh có nghe nhưng không biết đánh nhau ở đâu và đánh ai và cũng không tham gia. Sau khi đánh nhau các bị cáo cũng không kể lại cho chị N và anh Minh biết. Do đó, không xử lý đối với chị N và anh Minh là phù hợp.

[11] Về vật chứng của vụ án:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; Số loại: Exciter; Màu sơn: xanh trắng; BKS: 93K1-042.30 thuộc sở hữu hợp pháp của ông Phan Văn T (cha đẻ bị cáo H). Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại xe mô tô trên cho ông T là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

+ 01 (một) con dao dài 71cm. Lưỡi dao làm bằng kim loại dài 49,5cm; Lưỡi dao hình vòng cung hướng về phía lưỡi dao; mũi dao nhọn; bản rộng nhất của lưỡi dao rộng 4 cm. Cán dao làm bằng gỗ dài 21,5cm; ở phần cán dao tại vị trí tiếp nối với lưỡi dao được bọc xung quanh bằng một vòng kim loại dài 5,5cm. Đây là hung khí mà bị cáo H đã sử dụng gây thương tích cho anh Đức. Không còn sử dụng được, vì vậy cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[12] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng). Trong đó gia đình bị cáo Phan Văn H và gia đình bị cáo Huỳnh Văn T mỗi gia đình bồi thường số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), gia đình bị cáo Trần Văn N bồi thường số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Bị hại Nguyễn Hữu Đức đã nhận tiền và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với những người có quyền lợi N vụ liên quan là: bà Lê Thị V, bà Nguyễn Thị Kim Ánh, bà Trần Thị H đã bồi thường thay cho các bị cáo. Tại phiên tòa bà V, bà Ánh, bà H không có yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về án phí: Các bị cáo Phan Văn H, Huỳnh Văn T và Trần Văn N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền T hành tố tụng, Người có thẩm quyền T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền T hành tố tụng, Người có thẩm quyền T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- điểm đ khoản 2 Điều 134; các Điều 17, 38, 50, 58; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phan Văn H.

- điểm đ khoản 2 Điều 134; các Điều 17, 50, 54, 58; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh Văn T.

- + điểm đ khoản 2 Điều 134; các Điều 17, 50, 54, 58; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn N.

- Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn H, Huỳnh Văn T và Trần Văn N phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

- + Xử phạt: Bị cáo Phan Văn H: 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 29/10/2021.

- + Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn T: 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án là ngày 01/6/2022.

- + Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N: 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án là ngày 01/6/2022.

Giao bị cáo Huỳnh Văn T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Huỳnh Văn T và Trần Văn N đang bị tạm giam, nếu các bị cáo Huỳnh Văn T và Trần Văn N không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao dài 71cm. Lưỡi dao làm bằng kim loại dài 49,5cm; Lưỡi dao hình vòng cung hướng về phía lưỡi dao; mũi dao nhọn; bản rộng nhất của lưỡi dao rộng 4 cm. Cán dao làm bằng gỗ dài 21,5cm; ở phần cán dao tại vị trí tiếp nối với lưỡi dao được bọc xung quanh bằng một vòng kim loại dài 5,5cm.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Về án phí: Buộc các bị cáo Phan Văn H, Huỳnh Văn T và Trần Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi N vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/6/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đặng Anh Việt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

